

Bản án số: 32 /2017/ HSST
Ngày : 19 / 9/ 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Kim Thành và bà Đinh Thị Hải Vân.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2017/ HSST ngày 17/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1988; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn H, xã P, thành phố B, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; có vợ: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Họ và tên: Bùi Văn B, sinh năm 1984; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn D, xã Q, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Bùi T (Đã chết) và bà Nguyễn C, sinh năm 1951; có vợ: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990; có 01 con sinh năm 2014. Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Trường G, sinh năm 1986; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị T, sinh năm

1960; có vợ: Chị Trần Thị N, sinh năm 1989; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn K, sinh năm 1983; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn A, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; vợ, con: Chưa có. Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

5. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 1, thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn đường 10, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1933; có vợ: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1982; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Công ty TNHH một thành viên Đ Ninh Bình - Do ông Vũ Văn N - Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Trụ sở tại: Lô D7- Khu công nghiệp P, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:** Ông Ngô Văn K, sinh năm 1974 - Phó trưởng phòng phụ trách phòng vật tư Công ty TNHH MTV Đ Ninh Bình làm đại diện theo ủy quyền. Trú tại: Công ty TNHH MTV Đ Ninh Bình. Có trụ sở tại: Lô D7- Khu công nghiệp P, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Bùi Văn B, Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 07/5/2017, Nguyễn Mạnh H gặp Nguyễn Trường G đều là công nhân làm tại xưởng sửa chữa của Công ty TNHH MTV Đ Ninh Bình thuộc khu công nghiệp P, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. H rủ G trộm cắp ống thép trắng của công ty để bán, G đồng ý. G và H ra xưởng nước gặp Bùi Văn B, tại đây cả hai rủ B cùng trộm cắp tài sản, B đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày H, G, B lấy một ống thép trắng loại OD219; SUS 304 dài 06m, trọng lượng 254 kg tại sân vật tư sau đó dùng xe cải tiến của xưởng sửa chữa chở về xưởng nước, B dùng máy hàn điện cắt ra làm 05 đoạn, khi B đang cắt thì Nguyễn Văn K cùng là công nhân của xưởng sửa chữa đến, G rủ K cùng tham gia, K đồng ý. G, K, H dùng xe cải tiến tiếp tục quay

lại sân vật tư lấy 01 ống thép trắng loại OD141; SUS 304 dài 06 mét chở về xưởng nước cho B tiếp tục cắt làm 05 đoạn. Cắt xong tất cả dùng xe cải tiến chở các đoạn ống thép ra sát tường rào bảo vệ công ty, H trèo qua tường rào ra ngoài để đỡ còn K, G, B ở phía trong chuyển ra, tất cả các đoạn ống thép chuyển ra được cất giấu ở chân tường, sau đó G lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 35B1 – 266.85 của chị Vũ Thị H (sinh năm 1983, ở phố H, phường B, TP Ninh Bình) do H mượn của chị H đi ra ngoài để H và K vận chuyển 2 lần mỗi lần 02 đoạn ống thép ra cửa hàng thu mua phế liệu của Nguyễn Văn T ở thôn đường 10, xã A, huyện Y để bán (lúc này vào khoảng 02 giờ sáng ngày 08/5/2017); B sau khi vận chuyển xong số ống thép qua hàng rào quay về xưởng để cất dụng cụ và lấy xe mô tô của mình chở G ra nhà T. Sau khi chở 04 đoạn ống thép ra nhà T, H và K quay lại để vận chuyển nốt 06 đoạn ống còn lại thì bị bảo vệ công ty phát hiện thu giữ số vật chứng nêu trên, thấy bảo vệ phát hiện, H và K quay về nhà T cùng với G, B bán 04 đoạn ống thép cho T, mặc dù biết đây là tài sản trộm cắp mà có nhưng do háo lợi nên T đồng ý mua với giá 2.770.000 đồng. Sau khi nhận tiền chia nhau, K, H, G mỗi người 600.000 đồng, riêng B được 970.000 đồng. Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ toàn bộ số vật chứng nêu trên (trong đó thu giữ nhà Nguyễn Văn T 4 đoạn ống thép gồm có 2 đoạn ống thép OD219; SUS 304 trọng lượng 68 kg; 2 đoạn ống thép OD141; SUS 304 trọng lượng 52,5 kg; Thu giữ từ bảo vệ của công ty 6 đoạn ống thép gồm có 3 đoạn ống thép OD219; SUS 304 trọng lượng 186 kg; 3 đoạn ống thép OD141; SUS 304 trọng lượng 83,5 kg, số tiền H, B, G, K chiếm hưởng.

Ngày 07/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y đã tiến hành định giá, kết luận: 01 ống thép OD141; SUS 304 trọng lượng 254kg x 80.000 đồng/kg = 20.320.000 đồng; 01 ống thép OD141; SUS 304 trọng lượng 136kg x 80.000 đồng/kg = 10.880.000 đồng. Tổng giá trị số tài sản các đối tượng trộm cắp của Công ty TNHH MTV Đ Ninh Bình có giá trị 31.200.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Mạnh H, Bùi Văn B, Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-266.85 của chị Vũ Thị H, H mượn để chở tài sản trộm cắp, chị H không biết H sử dụng xe vào việc phạm tội nên không thu giữ và xử lý. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản mà các đối tượng trộm cắp cho Công ty TNHH MTV Đ Ninh Bình, đại diện theo ủy quyền của nhà máy là anh Ngô Văn K không có đề nghị gì về bồi thường. Số tiền 2.770.000 đồng là tiền các đối tượng phạm tội mà có chuyên Chi cục thi hành án dân sự huyện Y quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Bùi Văn B, Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn K ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Bùi Văn B, Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn K về tội: “ Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 (Bộ luật hình sự 2015), các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46, điểm x khoản 1 Điều 51(Bộ luật hình sự 2015), khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự chung cho các bị cáo Nguyễn Mạnh H và Bùi Văn B.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự chung cho các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn K.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt:

- Bị cáo: Nguyễn Mạnh H mức án từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Bị cáo: Bùi Văn B mức án từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Các bị cáo: Nguyễn Trường G; Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn T mức án từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt để sung quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền là 2.770.000 đồng là khoản tiền do phạm tội mà có đã thu giữ của các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Bùi Văn B, Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu:

Các bị cáo đều thống nhất khai nhận: Vào khoảng hơn 22 giờ ngày 07/5/2017 H đi xe về xưởng để ngủ thì gặp G là công nhân làm cùng xưởng sửa chữa với H. H rủ G đi lấy trộm ống thép trắng của Công ty TNHH MTV Đ Ninh Bình đang để ở sân vật tư bán lấy tiền tiêu sài, G đồng ý. G và H đi xe mô tô ra chỗ xưởng nước gặp B và ngồi nói chuyện, sau đó H, G rủ B cùng trộm cắp tài sản, B đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày H, G, B lấy một ống thép trắng loại OD219; SUS 304 ở sân vật

tư, dùng chiếc xe cải tiến chở về xưởng nước, B dùng máy hàn điện cắt ra làm 05 đoạn, thì K đi đến chỗ B, sau đó G rủ K tham gia, K đồng ý. Sau đó G, K và H dùng xe cải tiến quay lại đi đến sân vật tư lấy 01 ống thép trắng loại OD141; SUS 304 dài 06 mét chở đến chỗ B, B tiếp tục cắt làm 05 đoạn. Tất cả các đoạn ống thép được bỏ lên xe cải tiến chở ra sát tường rào chỗ nhà bảo vệ công ty, H trèo tường ra bên ngoài để đỡ xuống, còn K, G và B ở trong chuyển ra và được cất giấu ở chân tường. Sau đó G lấy xe mô tô mà H mượn của chị H đi ra ngoài, H và K dùng xe này chở 02 lần, mỗi lần 02 đoạn ống thép, chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của T ở thôn đường 10, xã A để bán, thời gian vào khoảng 02 giờ sáng ngày 08/5/2017, còn B quay về xưởng để cất dụng cụ và lấy xe mô tô chở G đi đến nhà T, còn H và K quay lại để chở nốt 06 đoạn ống còn lại thì bị bảo vệ công ty phát hiện thì H và K quay xe đi về nhà T, nói lại với G, B và T là bị bảo vệ phát hiện ra rồi không lấy được nữa. Sau đó thỏa thuận bán 04 đoạn ống thép cho T. Mặc dù T biết số sắt do trộm cắp nhưng vẫn mua với giá 2.770.000 đồng. Sau khi lấy tiền bán sắt H chia tiền cho K, G và H mỗi người 600.000 đồng, còn lại đưa cho B là 970.000 đồng. Sau khi bị phát hiện cơ quan điều tra thu giữ tại nhà T 4 đoạn ống thép gồm có 2 đoạn ống thép OD219; SUS 304 trọng lượng 68 kg; 2 đoạn ống thép OD141; SUS 304 trọng lượng 52,5 kg; Thu giữ từ bảo vệ của công ty 6 đoạn ống thép gồm có 3 đoạn ống thép OD219; SUS 304 trọng lượng 186 kg; 3 đoạn ống thép OD141; SUS 304 trọng lượng 83,5 kg và thu số tiền 2.770.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm hưởng.

Ngày 07/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y đã tiến hành định giá, kết luận: 01 ống thép OD141; SUS 304 trọng lượng 254kg x 80.000 đồng/kg = 20.320.000 đồng; 01 ống thép OD141; SUS 304 trọng lượng 136kg x 80.000 đồng/kg = 10.880.000 đồng. Tổng giá trị số tài sản các đối tượng trộm cắp của Công ty TNHH MTV Đ Ninh Bình có giá trị 31.200.000 đồng.

Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ được trong quá trình điều tra và biên bản định giá cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo H, B, G, K đã lấy 02 ống thép trắng của công ty bán lấy tiền tiêu xài là phạm tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo T đã biết tài sản do các bị cáo khác lấy trộm của công ty đem bán nhưng hám lợi nên vẫn mua là phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo hoàn toàn hiểu và biết rõ việc chiếm đoạt và tiêu thụ tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân nên các bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công ty được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng

nhân dân nói chung và công nhân nhà máy nói riêng, mặc khác còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia và không có sự thống nhất hay bản bạc, chuẩn bị từ trước nên có vai trò và tính chất khác nhau, do đó mức hình phạt áp dụng đối với từng bị cáo cũng cần phải cá thể hóa cho phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác thực hiện việc trộm cắp tài sản của công ty, bản thân H trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và cùng mang bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân, do đó về trách nhiệm hình sự của H là cao hơn so với các bị cáo khác là phù hợp, phải xử lý nghiêm và có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Bùi Văn B tuy không phải là người khởi xướng, nhưng khi được rủ lấy tài sản bị cáo nhất trí và tham gia tích cực, bị cáo chủ động dùng máy hàn để cắt ra từng đoạn ống thép để tiện cho các bị cáo trong việc vận chuyển ra bên ngoài công ty để mang đi tiêu thụ, chính vì vậy nên B đã được các bị cáo khác chia cho số tiền 970.000 đồng là nhiều tiền hơn các bị cáo khác, do đó về trách nhiệm hình sự của B là thấp hơn bị cáo H và cao hơn so với các bị cáo khác là phù hợp, phải xử lý nghiêm và có mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn K ban đầu không có ý định lấy trộm tài sản của công ty nhưng khi được rủ đã nhất trí và tham gia ngay, các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi lấy và vận chuyển đến cho B cắt ra từng đoạn, sau đó vận chuyển ra bên ngoài, cùng các bị cáo bán 04 đoạn ống thép cho T và đã được bị cáo H chia cho số tiền đều là 600.000 đồng, do đó về trách nhiệm hình sự của G và K là thấp hơn so với bị cáo H và B là phù hợp với tính chất, hành vi của mỗi bị cáo và có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện việc mua 04 ống thép của các bị cáo khác vào thời gian 02 giờ đêm ngày 08/5/2017 có giá trị là 9.640.000 đồng là hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hội đồng xét xử sẽ có mức án tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo, đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo H, B, G, K là đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h và p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H có bố đẻ là thương binh 4/4, bị cáo B bố, mẹ có Huân Huy chương hạng nhì là người có công nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo G bản thân đã có thời gian phục vụ trong quân đội và được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến,

tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do vậy các bị cáo đều được hưởng về tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, bị cáo T đã được xóa án tích nên không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng như các bị cáo khác.

Xét thấy các bị cáo H, B, G và K có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và riêng H, B có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51(Bộ luật hình sự 2015). Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bản thân chưa có tiền án tiền sự, Hội đồng xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo được giáo dục, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và khấu trừ một phần thu nhập cũng đủ để cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện. Đối với bị cáo T tuy có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, song nhân thân không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, do vậy xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo và khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản mà các đối tượng trộm cắp cho Công ty TNHH MTV Đ Ninh Bình, đại diện theo ủy quyền của nhà máy là anh Ngô Văn K xác định các đoạn ống thép này công ty vẫn có nhu cầu sử dụng nên không có yêu cầu về bồi thường dân sự đối với các bị cáo, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- **Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:** Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-266.85 của chị Vũ Thị H, do H mượn để đi làm trước đó, sau đó mới dùng chở tài sản trộm cắp, chị H không biết H sử dụng xe vào việc phạm tội nên không thu giữ, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền là 2.770.000 đồng đã thu giữ của các bị cáo là khoản tiền do phạm tội mà có.

- **Án phí:** Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Bùi Văn B, Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn K phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”.

Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 (Bộ luật

hình sự 2015), các điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51(Bộ luật hình sự 2015), khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự chung cho các bị cáo Nguyễn Mạnh H và Bùi Văn B.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/9/2017).

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn B 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/9/2017).

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự chung cho các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn K.

+ Xử phạt các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Ninh Bình và Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ một phần thu nhập là 5% để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt, đối với các bị cáo Nguyễn Trường G và Nguyễn Văn K.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ một phần thu nhập là 5% để sung quỹ Nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt, đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh H cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Bùi Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Nam Định là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Q trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Trường G cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nam Định là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.770.000 đồng (Hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) là khoản tiền do phạm tội mà có.

Số tiền trên Công an huyện Y đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y theo giấy “ Ủy nhiệm chi” số 16 ngày 07/9/2017 tại Kho bạc Nhà nước huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo: Nguyễn Mạnh H, Bùi Văn B, Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo và nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 19/9/2017).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- Công an huyện Y.
- Các bị cáo. Nguyên đơn DS.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM / HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Nhật Trung